

TTĐT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 367 /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ:.....S
	Ngày:..07/10/12026..

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

“5. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính là nền tảng thống nhất của bộ, ngành, địa phương, có chức năng tiếp nhận, giải quyết, theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia để cung cấp và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 2 Điều 7 như sau:

“b) Tại các thành phố trực thuộc trung ương, trên cơ sở xem xét đặc thù về quản lý dân cư, tổ chức đời sống dân cư đô thị, đánh giá mức độ ứng dụng khoa

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh là tổ chức hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (sau đây gọi là Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp) và quyết định số lượng chi nhánh trực thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp để thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi địa phương.

Trường hợp không lựa chọn mô hình này, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh theo quy định tại điểm a khoản này”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 7 như sau:

“a) Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã là tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, có con dấu và tài khoản riêng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 2 Điều 10 như sau:

“a) Lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, gồm 01 Giám đốc tương đương Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc do Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiêm nhiệm; không quá 03 Phó Giám đốc tương đương Trưởng phòng thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giúp Giám đốc Trung tâm thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Trung tâm phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thành lập phòng thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, bảo đảm phù hợp với tiêu chí thành lập phòng thuộc chi cục thuộc sở theo quy định của pháp luật;

b) Đối với Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, lãnh đạo Trung tâm gồm 01 Giám đốc tương đương Giám đốc sở; các Phó Giám đốc tương đương Phó Giám đốc sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, giúp Giám đốc Trung tâm thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Trung tâm phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của Chính phủ về số lượng cấp phó cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phục vụ hành chính công một cấp;”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 10 như sau:

“a) Lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã gồm Giám đốc tương đương Trưởng phòng; Phó Giám đốc tương đương Phó Trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã giúp Giám đốc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của Chính phủ;”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 như sau:

“3. Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.”

7. Bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Đối với thủ tục hành chính được cấp có thẩm quyền giao xây dựng giải pháp cung cấp dịch vụ công tập trung trên toàn quốc:

Các bộ, cơ quan ngang bộ theo phân công chủ trì xây dựng và cung cấp biểu mẫu điện tử tương tác để thực hiện thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành và tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc cung cấp biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; xác định cụ thể các nguồn dữ liệu đầu vào đối với việc giải quyết từng thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công tập trung để bảo đảm thực hiện thủ tục hành chính thống nhất trên toàn quốc; xây dựng, công bố quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành về thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 như sau:

“2. Cổng Dịch vụ công quốc gia bao gồm các hợp phần sau:

- a) Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;
- b) Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân;
- c) Hệ thống trao đổi định danh, xác thực điện tử của Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- d) Hệ thống thanh toán trực tuyến;
- đ) Hệ thống đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương;

e) Hệ thống hỗ trợ giải đáp những vấn đề thường gặp trong giải quyết thủ tục hành chính;

g) Giao diện Cổng Dịch vụ công quốc gia;

h) Hệ thống quản trị của Cổng Dịch vụ công quốc gia;

i) Nền tảng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức; cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến;

k) Nền tảng phân tích dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đánh giá tình hình giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của các bộ, ngành, địa phương;

l) Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính;

m) Các hợp phần khác theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 27 như sau:

“5. Bộ Khoa học và Công nghệ

Quy định về yêu cầu, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; hướng dẫn việc đo lường, thống kê, đánh giá chất lượng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.”.

10. Bỏ quy định tại điểm d, e khoản 1 Điều 35.

11. Sửa đổi khoản 2 Điều 35 như sau:

“2. Bộ Công an

a) Xây dựng yêu cầu chức năng, nghiệp vụ, giao diện; quản trị, vận hành, hỗ trợ, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xử lý các vấn đề về nghiệp vụ chức năng, nghiệp vụ dữ liệu của Cổng Dịch vụ công quốc gia; quản lý, phân quyền tài khoản quản trị cấp cao của các bộ, ngành, địa phương;

b) Xây dựng và quản trị kỹ thuật Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, thực hiện các biện pháp giám sát, biện pháp bảo đảm an toàn thông tin cho Cổng Dịch vụ công quốc gia; hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính;

c) Tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công Dịch vụ công quốc gia;

d) Xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính.

đ) Hướng dẫn, triển khai kết nối Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành qua nền tảng điều phối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính;

e) Kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử với Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh để hỗ trợ xác thực thông tin công dân.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 36 như sau:

“1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định này; xây dựng, quản lý Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo mô hình tập trung.”.

13. Bổ sung khoản 9 Điều 40 như sau:

“9. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của địa phương không thực hiện tiếp nhận và giải quyết đối với các thủ tục hành chính đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo mô hình tập trung tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành. Trong trường hợp này, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của địa phương được kết nối, đồng bộ dữ liệu giải quyết các thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành để tra cứu, khai thác, theo dõi, thống kê, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương.”.

14. Bỏ cụm từ “cấp bộ, cấp tỉnh” tại khoản 4 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 17, khoản 1 Điều 18, khoản 3 Điều 21, khoản 4 Điều 22, điểm d khoản 1 Điều 26, Điều 27, điểm h khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 7 Điều 40, điểm c, d khoản 8 Điều 40.

15. Bỏ cụm từ “cấp tỉnh” tại điểm g khoản 2 Điều 8, điểm đ khoản 1 Điều 38.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b)TM



Phạm Thị Thanh Trà